



Số: 140 /2012/TT-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2012

THÔNG TƯ

Hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

Chương I

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Điều 1. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 đối với:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm cả hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp nhỏ và vừa).

b) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến: Nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội (sau đây gọi chung là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động).

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này là doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí về vốn hoặc lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

a) Số vốn làm căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 là tổng nguồn vốn được thể hiện trong Bảng cân đối kế toán lập ngày 31 tháng 12 năm 2011 của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có kỳ tính thuế năm tài chính 2011 khác năm dương lịch thì số vốn làm căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 là tổng nguồn vốn được thể hiện trong Bảng cân đối kế toán lập tại ngày cuối cùng của kỳ tính thuế theo năm tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 thì số vốn làm căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 là vốn điều lệ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

b) Số lao động bình quân năm (bao gồm cả số lao động của chi nhánh và đơn vị trực thuộc) làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được giảm thuế quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này là tổng số lao động mà doanh nghiệp sử dụng thường xuyên bình quân trong năm 2011, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng.

Số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 40/2009/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cách tính số lao động sử dụng thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 01/01/2012 thì tổng số lao động, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng là số lao động sử dụng thường xuyên bình quân tính từ ngày thành lập đến ngày 31/12/2012.

c) Đối với các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực thì việc xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa để xác định tiêu chí vốn hoặc lao động theo quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP được căn cứ vào ngành nghề kinh doanh chính ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp. Trường hợp không xác định được hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp thì sử dụng một trong các tiêu chí dưới đây để xác định hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp:

- Số lao động làm việc nhiều nhất trong từng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2011; hoặc tiêu chí

- Doanh thu cao nhất trong từng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2011.

Trường hợp sử dụng các tiêu chí nêu trên vẫn không xác định được hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa thì căn cứ vào tiêu chí về vốn hoặc số lao động thấp nhất của ngành nghề trong số các ngành nghề mà thực tế doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh trong năm 2011 theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP.

d) Trường hợp doanh nghiệp là các công ty tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con mà công ty mẹ không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa nắm giữ trên 50% vốn chủ sở hữu của công ty con, nếu công ty con đáp ứng tiêu chí về vốn hoặc lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP và không kinh doanh trong các lĩnh vực không được giảm thuế thì cũng thuộc đối tượng được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012.

3. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động (bao gồm cả số lao động của chi nhánh và đơn vị trực thuộc) trong các lĩnh vực được giảm thuế hướng dẫn tại điểm b Khoản 1 Điều này gồm:

a) Doanh nghiệp có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm 2012 trên 300 người, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng đối với doanh nghiệp thành lập trước ngày 01/01/2012.

Số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 40/2009/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cách tính số lao động sử dụng thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 01/01/2012 thì tổng số lao động, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng là số lao động sử dụng thường xuyên bình quân trên 300 người tính từ ngày thành lập đến ngày 31/12/2012.

Trường hợp doanh nghiệp tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì số lao động làm căn cứ xác định công ty mẹ thuộc đối tượng giảm thuế không bao gồm số lao động của công ty con và ngược lại.

b) Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm là số thuế tính trên thu nhập của hoạt động sản xuất, gia công, chế biến: Nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử và từ hoạt động xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

c) Hoạt động sản xuất, gia công, chế biến: Nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày (bao gồm cả giày da, dép da các loại), linh kiện điện tử được xác định căn cứ theo quy định tại Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Hoạt động xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội bao gồm thi công, xây dựng, lắp đặt: Nhà máy nước, nhà máy điện, công trình truyền tải, phân phối điện; hệ thống cấp thoát nước; đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển,

cảng sông; sân bay, nhà ga, bến xe; xây dựng trường học, bệnh viện, nhà văn hoá, rạp chiếu phim, cơ sở biểu diễn nghệ thuật, cơ sở luyện tập, thi đấu thể thao; hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn; công trình thông tin liên lạc, công trình thu lợi phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp.

4. Không áp dụng giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này đối với các đối tượng sau đây:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong các lĩnh vực: Xổ số; bất động sản; chứng khoán; tài chính; ngân hàng; bảo hiểm; sản xuất hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa có hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều lĩnh vực thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm không bao gồm số thuế tính trên phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh xổ số, bất động sản, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

b) Doanh nghiệp được xếp hạng I theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2005/TTLT-BLĐTĐ-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn xếp hạng và xếp lương đối với thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty nhà nước.

c) Doanh nghiệp hạng đặc biệt theo quy định tại Quyết định số 185/TTg ngày 28 tháng 3 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt và Quyết định số 186/TTg ngày 28 tháng 3 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về danh sách các doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt.

d) Tổ chức kinh tế là đơn vị sự nghiệp.

Điều 2. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh năm 2012 đối với thu nhập của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân của doanh nghiệp, tổ chức có hoạt động cung ứng suất ăn ca.

Điều 3. Điều kiện áp dụng giảm thuế, miễn thuế

1. Doanh nghiệp, tổ chức được giảm thuế, miễn thuế quy định tại Điều 1, Điều 2 Thông tư này là đơn vị được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và nộp thuế theo kê khai.

2. Doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo quy định tại Điều 1 Thông tư này được tính trên số thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi đã trừ đi số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi theo quy định.

3. Doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân được miễn thuế theo quy định tại Điều 2 Thông tư này phải cam kết giữ ổn định mức giá cung ứng suất ăn ca trong năm 2012 không cao hơn mức giá tháng 12 năm 2011. Trường hợp

cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện doanh nghiệp, tổ chức không thực hiện đúng cam kết về giá thì doanh nghiệp, tổ chức không được miễn thuế theo quy định tại Điều 2 Thông tư này.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức có hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân nhưng doanh nghiệp, tổ chức vừa thuộc diện doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 1 Thông tư này và vừa thuộc diện được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh năm 2012 đối với thu nhập của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân thì đối với cùng một khoản thu nhập doanh nghiệp, tổ chức được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất.

Điều 4. Xác định số thuế được giảm, miễn

1. Doanh nghiệp, tổ chức phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được giảm thuế, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh không được giảm thuế, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp không xác định được thu nhập của các hoạt động được giảm thuế, miễn thuế thì thu nhập để tính số thuế được giảm thuế, miễn thuế được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa doanh thu của hoạt động được giảm thuế, miễn thuế với tổng doanh thu của doanh nghiệp, tổ chức trong năm 2012.

2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này là số thuế thu nhập doanh nghiệp tính tạm nộp hàng quý và số thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch còn phải nộp theo quyết toán thuế năm 2012 của doanh nghiệp so với tổng số thuế đã tạm tính hàng quý.

3. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn quy định tại Điều 2 Thông tư này được xác định như sau:

a) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức xác định được cụ thể doanh thu, chi phí và thu nhập chịu thuế của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân năm 2012 thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn của năm 2012 đối với hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân được xác định trên cơ sở số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phát sinh phải nộp năm 2012 mà doanh nghiệp, tổ chức xác định được.

b) Trường hợp trong kỳ tính thuế năm 2012 doanh nghiệp, tổ chức không hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế thì phần thu nhập của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân được miễn thuế năm 2012 xác định bằng (=) tổng thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm thu nhập khác) nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) của doanh thu hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân so với tổng doanh thu của doanh nghiệp, tổ chức trong năm 2012.

c) Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn đối với thu nhập của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân không bao gồm số thuế tính trên thu nhập từ hoạt động cung ứng suất ăn ca cho doanh nghiệp vận tải, hàng không để phục vụ khách hàng và số thuế tính trên thu nhập của hoạt động kinh doanh khác.

Điều 5. Kê khai thuế

1. Doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được giảm thuế, miễn thuế theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Thông tư này thực hiện kê khai số thuế được giảm, miễn theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Doanh nghiệp, tổ chức phải lập Phụ lục Miễn, giảm thuế TNDN (Mẫu số 01/MGT-TNDN ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp, trong đó xác định rõ: Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được giảm thuế, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm thuế, miễn thuế. Đồng thời kê khai tổng hợp số thuế được giảm, miễn vào chi tiêu mã số [31] trên tờ khai 01A/TNDN hoặc chi tiêu mã số [30] trên tờ khai 01B/TNDN, chi tiêu mã số [C9] trên tờ khai 03/TNDN (ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính).

2. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đã thực hiện việc kê khai theo quy định nhưng chưa kê khai để được giảm thuế, miễn thuế theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Thông tư này thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức có thực hiện kê khai bổ sung quý I/2012, quý II/2012 thì hồ sơ khai bổ sung miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp gồm: Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính quý I/2012 và quý II/2012 đã bổ sung số thuế được miễn, giảm; Phụ lục Miễn, giảm thuế TNDN quý I/2012 và quý II/2012 tại Khoản 1 nêu trên.

Hồ sơ khai thuế bổ sung được nộp cho cơ quan thuế vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

3. Trường hợp doanh nghiệp thuộc diện được giảm thuế theo quy định đã kê khai, nộp số thuế được giảm của quý I, quý II năm 2012 vào ngân sách nhà nước thì được bù trừ số thuế được giảm vào số thuế còn phải nộp quý III, quý IV năm 2012 và số chênh lệch còn phải nộp theo quyết toán thuế năm 2012. Trường hợp chưa bù trừ hết với số phải nộp thêm sau quyết toán thuế năm 2012 thì doanh nghiệp có thể đề nghị bù trừ với số phải nộp của năm tiếp theo hoặc đề nghị hoàn thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức thuộc diện được miễn thuế theo quy định đã kê khai, nộp số thuế được miễn của quý I, quý II năm 2012 vào ngân sách nhà nước thì được bù trừ số thuế được miễn vào số thuế còn phải nộp quý III, quý IV năm 2012 và số chênh lệch còn phải nộp theo quyết toán thuế năm 2012 của các hoạt động kinh doanh khác. Trường hợp chưa bù trừ hết với số phải nộp thêm sau quyết toán thuế năm 2012 thì doanh nghiệp, tổ chức có thể đề nghị bù trừ với số phải nộp của năm tiếp theo hoặc đề nghị hoàn thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Xử lý số thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch được giảm giữa kê khai quyết toán thuế so với số thuế thu nhập doanh nghiệp kê khai tạm tính quý

a) Trường hợp khi doanh nghiệp tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2012 có phát sinh số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm thuế cao hơn

so với tổng số thuế được giảm đã tạm tính của 4 quý thì doanh nghiệp tiếp tục được giảm thuế đối với số thuế chênh lệch tăng thêm giữa số thuế được giảm theo quyết toán thuế với tổng số thuế đã giảm theo tạm tính của 4 quý năm 2012.

b) Trường hợp khi doanh nghiệp tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2012 có phát sinh số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm thuế thấp hơn so với tổng số thuế được giảm đã tạm tính của 4 quý thì số thuế được giảm được xác định theo số quyết toán thuế.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện số thuế thu nhập doanh nghiệp của thời gian được giảm thuế, miễn thuế theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Thông tư này mà lớn hơn số thuế đơn vị tự kê khai (kể cả trường hợp doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được giảm thuế, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này đã kê khai nhưng chưa xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm, miễn) thì doanh nghiệp, tổ chức được giảm thuế, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định tại Thông tư này (kể cả số thuế thu nhập doanh nghiệp phát hiện tăng thêm và số thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc đối tượng được giảm thuế, miễn thuế theo quy định tại Thông tư này nhưng chưa xác định số thuế giảm, miễn).

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện số thuế thu nhập doanh nghiệp giảm thuế, miễn thuế theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Thông tư này nhỏ hơn số đơn vị tự kê khai thì doanh nghiệp, tổ chức chỉ giảm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thuế thu nhập doanh nghiệp do kiểm tra, thanh tra phát hiện.

Tùy theo mức độ vi phạm của doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra áp dụng các mức xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo quy định.

Chương II

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Điều 6. Miễn thuế khoản thuế giá trị gia tăng năm 2012 đối với hộ, cá nhân kinh doanh

1. Miễn thuế khoản thuế giá trị gia tăng năm 2012 đối với:

- a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nhà trọ, phòng trọ cho thuê đối với công nhân, người lao động, sinh viên, học sinh;
- b) Hộ, cá nhân chăm sóc trông giữ trẻ;
- c) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cung ứng suất ăn ca cho công nhân.

2. Điều kiện miễn thuế

Hộ, cá nhân kinh doanh thuộc diện được miễn thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khoán;

- Cam kết giữ ổn định mức giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ, giá chăm sóc trông giữ trẻ, giá cung ứng suất ăn ca trong năm 2012 không cao hơn mức giá tháng 12 năm 2011. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động kinh doanh từ năm 2012, mức giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ, giá chăm sóc trông giữ trẻ và giá cung ứng suất ăn ca không được cao hơn mức giá đã thực hiện tháng 12 năm 2011 của hộ, cá nhân kinh doanh cùng ngành nghề, cùng địa bàn đã hoạt động từ trước năm 2012.

- Niêm yết công khai giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ, giá chăm sóc trông giữ trẻ và giá cung ứng suất ăn ca tại cơ sở kinh doanh và thông báo cho chính quyền xã, phường nơi kinh doanh và cơ quan thuế quản lý trực tiếp biết trước ngày 01 tháng 11 năm 2012 về việc đã thực hiện giá không cao hơn giá tháng 12 năm 2011 ngay từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

3. Căn cứ số bộ thuế năm 2012 đã được duyệt, cơ quan thuế có trách nhiệm lập danh sách cá nhân, hộ kinh doanh cho thuê phòng trọ, nhà trọ; chăm sóc, trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân và số thuế được miễn, báo cáo ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan thuế cấp trên trực tiếp để theo dõi, kiểm tra. Đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan thuế trước ngày 15 tháng 11 năm 2012 và thông báo cho cá nhân, hộ kinh doanh biết.

Trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng được miễn thuế khoán thuế GTGT năm 2012 đã nộp số tiền thuế khoán thuế GTGT các tháng của năm 2012 vào ngân sách nhà nước thì được xác định là nộp thừa thuế GTGT và được hoàn lại số thuế khoán thuế GTGT đã nộp hoặc được bù trừ với số thuế khoán thuế GTGT phải nộp của năm sau.

Đối với trường hợp hoàn thuế, cơ quan thuế lập danh sách các cá nhân, hộ kinh doanh được hoàn thuế theo từng địa bàn xã, phường và ban hành Quyết định hoàn thuế cho từng cá nhân, hộ kinh doanh.

Cơ quan thuế có trách nhiệm niêm yết công khai danh sách các cá nhân, hộ kinh doanh nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc, trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân được hoàn thuế tại trụ sở cơ quan thuế trước ngày 15 tháng 11 năm 2012.

4. Trường hợp kiểm tra, thanh tra phát hiện hộ, cá nhân kinh doanh không thực hiện đúng cam kết về giá nêu trên thì hộ, cá nhân không được miễn thuế và bị truy nộp, phạt chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 7. Miễn thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh năm 2012 đối với hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân của doanh nghiệp, tổ chức

1. Miễn thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh năm 2012 đối với hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân của doanh nghiệp, tổ chức (không bao gồm hoạt động cung ứng suất ăn cho doanh nghiệp vận tải, hàng không để phục vụ khách hàng, hoạt động kinh doanh khác).

2. Doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca thuộc diện được miễn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải:

- Được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và nộp thuế theo kê khai;

- Nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ;

- Cam kết giữ ổn định mức giá cung ứng suất ăn ca trong năm 2012 không cao hơn mức giá tháng 12 năm 2011 đối với doanh nghiệp, tổ chức đã hoạt động kinh doanh từ năm 2011 trở về trước; đối với doanh nghiệp, tổ chức bắt đầu hoạt động kinh doanh từ năm 2012, mức giá cung ứng suất ăn ca không được cao hơn mức giá đã thực hiện tháng 12 năm 2011 của doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca đã hoạt động từ năm 2011 trở về trước trên cùng địa bàn.

- Công khai niêm yết giá cung ứng suất ăn ca tại trụ sở kinh doanh và thông báo cho chính quyền xã, phường nơi kinh doanh và cơ quan thuế trực tiếp quản lý trước ngày 01 tháng 11 năm 2012.

3. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân thực hiện nhiều hoạt động kinh doanh thì phải thực hiện kê khai riêng doanh thu, thuế giá trị gia tăng đầu vào, thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động cung ứng suất ăn ca để xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh được miễn năm 2012 của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân.

Số thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh của từng tháng trong năm 2012 được miễn được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT phải nộp} \\ \text{của hoạt động cung ứng} \\ \text{suất ăn ca cho công nhân} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT đầu} \\ \text{ra của hoạt động} \\ \text{cung ứng suất ăn ca} \\ \text{cho công nhân} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT đầu vào} \\ \text{được khấu trừ của hoạt} \\ \text{động cung ứng suất ăn} \\ \text{ca cho công nhân} \end{array}$$

Trong đó:

a) Số thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân bằng (=) Tổng số thuế giá trị gia tăng của suất ăn ca cho công nhân bán ra ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng bằng (=) giá tính thuế của suất ăn ca cho công nhân bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng (10%).

b) Xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân được khấu trừ toàn bộ.

- Thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân nếu hạch toán riêng được thì thuế GTGT đầu vào được khấu trừ được xác định theo số hạch toán riêng. Trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh số hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân so với tổng doanh số chịu thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân thực hiện nhiều hoạt động kinh doanh và không hạch toán riêng được doanh thu, thuế giá trị gia tăng đầu vào, đầu ra của hoạt động cung ứng suất ăn ca và các hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác nên không xác định được chính xác số thuế giá

trị gia tăng phải nộp được miễn của tháng phát sinh thì số thuế giá trị gia tăng được miễn được xác định như sau:

$$\text{Thuế GTGT được miễn} = \frac{\text{Số thuế GTGT phát sinh phải nộp theo Tờ khai của tháng phát sinh}}{\text{Doanh thu chịu thuế GTGT của hoạt động cung ứng suất ăn ca}} \times \text{Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT}$$

Trong đó:

$$\text{Số thuế GTGT phát sinh phải nộp} = \text{Tổng số thuế GTGT đầu ra} - \text{Tổng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh của kỳ tính thuế (không bao gồm số thuế GTGT âm kỳ trước chuyển sang)}$$

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức không phát sinh số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo công thức trên (tức doanh nghiệp, tổ chức có số thuế giá trị gia tăng phát sinh âm) thì không thực hiện miễn thuế giá trị gia tăng.

4. Doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân thuộc diện được miễn thuế nếu chưa kê khai miễn số thuế GTGT phải nộp từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 thì thực hiện kê khai bổ sung điều chỉnh. Sau khi kê khai số thuế được miễn nếu có số thuế nộp thừa được bù trừ vào số thuế GTGT phải nộp của hoạt động khác hoặc số thuế GTGT phải nộp của kỳ tính thuế tiếp theo hoặc đề nghị hoàn thuế theo quy định.

Doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân thuộc diện được miễn thuế phải hạch toán số thuế giá trị gia tăng phải nộp được miễn vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Trường hợp qua thanh tra, kiểm tra phát hiện doanh nghiệp, tổ chức cung ứng suất ăn ca cho công nhân thực hiện không đúng cam kết về giá thì doanh nghiệp, tổ chức không được miễn thuế giá trị gia tăng phải nộp. Trường hợp không được miễn thuế mà đã kê khai miễn thuế thì bị truy nộp và phạt chậm nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

6. Thủ tục hồ sơ khai thuế GTGT thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính và Phụ lục Miễn thuế giá trị gia tăng (Mẫu số 02/MT-GTGT ban hành kèm theo Thông tư này).

- Chi tiêu 07 "Thuế GTGT của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân được miễn" trên Phụ lục Mẫu số 02/MT-GTGT được tổng hợp vào chi tiêu 38 "Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước" trên Tờ khai thuế GTGT Mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.

- Trường hợp khai bổ sung thuế GTGT được miễn của các tháng trước thì tổng hợp các chi tiêu 07 của các Phụ lục Mẫu số 02/MT-GTGT của các tháng trước lên chi tiêu 38 "Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước" trên Tờ khai thuế GTGT Mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.

Chương III

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Điều 8. Miễn thuế và thời gian miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh (trừ cá nhân, hộ kinh doanh nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân thuộc diện miễn thuế theo quy định tại Điều 9 Thông tư này)

1. Miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 7 năm 2012 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 đối với cá nhân, hộ kinh doanh có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công và từ kinh doanh đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân ở bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007.

2. Cá nhân, hộ kinh doanh có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công và từ kinh doanh đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân từ bậc 2 trở lên của Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 thì phải nộp thuế thu nhập cá nhân từ bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần.

Điều 9. Miễn thuế khoán thuế thu nhập cá nhân năm 2012 đối với cá nhân, hộ kinh doanh nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân

Miễn số thuế khoán thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 đối với cá nhân, hộ kinh doanh cho công nhân, người lao động, sinh viên, học sinh thuê nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân với điều kiện giữ ổn định mức giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ; giá chăm sóc trông giữ trẻ; giá cung ứng suất ăn ca cho công nhân không cao hơn mức giá tháng 12 năm 2011.

Trường hợp cá nhân, hộ kinh doanh mới bắt đầu hoạt động kinh doanh từ năm 2012, mức giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ; giá chăm sóc trông giữ trẻ và giá cung ứng suất ăn ca cho công nhân không được cao hơn mức giá tháng 12 năm 2011 của cá nhân, hộ kinh doanh cùng ngành nghề, cùng địa bàn đã hoạt động từ trước năm 2012.

Điều 10. Kê khai, khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

1. Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

Từ ngày 01/7/2012 đến hết ngày 31/12/2012 các tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công hàng tháng vẫn phải kê khai thuế nhưng tạm thời không tính thuế, khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân ở bậc 1 (thu nhập tính thuế nhỏ hơn hoặc bằng 5 triệu đồng/tháng) của Biểu lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân. Đối với các cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công phải chịu thuế thu nhập cá nhân từ bậc 2 trở lên (thu nhập tính thuế lớn hơn 5 triệu đồng/tháng), tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khai thuế, khấu trừ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân từ bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Tô chức, cá nhân trả thu nhập ghi số thuế đã khấu trừ (trừ số thuế được tạm miễn) vào chỉ tiêu 33] của Tờ khai mẫu số 02/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.

Ví dụ 1. Anh A có thu nhập từ tiền lương, tiền công của tháng 7/2012 là 9.200.000 đồng. Anh A được giảm trừ gia cảnh cho bản thân là 4.000.000 đồng, các khoản đóng bảo hiểm xã hội là 200.000 đồng. Anh A không có người phụ thuộc, không có khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, nhân đạo.

Thu nhập tính thuế của Anh A là:

$$9.200.000 \text{ đồng} - 4.000.000 \text{ đồng} - 200.000 \text{ đồng} = 5.000.000 \text{ đồng.}$$

Anh A có thu nhập tính thuế ở bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần nên tạm thời không bị khấu trừ thuế Thu nhập cá nhân của tháng 7/2012.

Ví dụ 2. Anh B có thu nhập từ tiền lương, tiền công của tháng 7/2012 là 21.200.000 đồng. Anh B được giảm trừ gia cảnh cho bản thân là 4.000.000 đồng, các khoản đóng bảo hiểm là 318.000 đồng. Anh B không có người phụ thuộc và các khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, nhân đạo.

- Thu nhập tính thuế của Anh B là:

$$21.200.000 \text{ đồng} - 4.000.000 \text{ đồng} - 318.000 \text{ đồng} = 16.882.000 \text{ đồng.}$$

Anh B có thu nhập tính thuế từ bậc 2 trở lên của Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân, nên phải nộp thuế như sau:

- Số thuế Thu nhập cá nhân phải nộp của Anh B là:

$$+ \text{Bậc 1: } 5.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 250.000 \text{ đồng.}$$

$$+ \text{Bậc 2: } (10.000.000 \text{ đồng} - 5.000.000 \text{ đ}) \times 10\% = 500.000 \text{ đồng.}$$

$$+ \text{Bậc 3: } (16.882.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đ}) \times 15\% = 1.032.300 \text{ đồng.}$$

Tổng số thuế Thu nhập cá nhân phải nộp của anh B là: 1.782.300 đồng (250.000 đồng + 500.000 đồng + 1.032.300 đồng).

2. Đối với cá nhân kê khai thuế thu nhập cá nhân trực tiếp:

Từ ngày 01/7/2012 đến hết ngày 31/12/2012 cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân hàng tháng ở bậc 1 (thu nhập tính thuế nhỏ hơn hoặc bằng 5 triệu đồng/tháng) của Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân thì tạm thời không phải kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân hàng tháng.

Trường hợp cá nhân có thu nhập tính thuế hàng tháng đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân từ bậc 2 trở lên (thu nhập tính thuế lớn hơn 5 triệu đồng/tháng) thì phải kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân từ bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Điều 11. Kê khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân, hộ kinh doanh

1. Cá nhân, hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai, khai thuế như sau:

a) Cá nhân, hộ kinh doanh có thu nhập tính thuế bình quân hàng tháng đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân ở bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần (thu nhập tính thuế nhỏ hơn hoặc bằng 5 triệu đồng/tháng) vẫn phải kê khai thuế theo quý và được tạm miễn toàn bộ số thuế phải nộp của Tờ khai quý III và quý IV/2012.

Cá nhân, hộ kinh doanh kê khai số thuế phải nộp (trừ số thuế tạm được miễn) vào chỉ tiêu số [33] (Thuế thu nhập cá nhân tạm nộp) của Tờ khai mẫu số 08/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.

Ví dụ 3: Ông A có thu nhập chịu thuế quý III năm 2012 là 22,8 triệu đồng. Ông A có 1 người phụ thuộc và không có các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; đóng góp vào quỹ từ thiện, nhân đạo.

- Ông A được giảm trừ gia cảnh cho bản thân và 01 người phụ thuộc quý III là: $(4 \text{ triệu đồng} \times 3 \text{ tháng}) + (1,6 \text{ triệu đồng} \times 3 \text{ tháng}) = 16,8 \text{ triệu đồng}$

- Thu nhập tính thuế quý III của ông A là 6 triệu đồng $(22,8 \text{ triệu đồng} - 16,8 \text{ triệu đồng})$.

- Thu nhập tính thuế tạm tính bình quân tháng quý III của ông A là 2 triệu đồng $(6 \text{ triệu đồng} : 3 \text{ tháng})$.

Như vậy, Ông A có thu nhập tính thuế bình quân tháng phải chịu thuế ở bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần nên được tạm miễn toàn bộ số thuế tạm nộp của quý III.

Giả sử quý IV năm 2012, Ông A có thu nhập tính thuế bình quân tháng như quý III thì Ông A được miễn toàn bộ số thuế tạm nộp của quý IV.

b) Đối với nhóm cá nhân kinh doanh

Nhóm cá nhân kinh doanh kê khai số thuế phải nộp (trừ số thuế tạm được miễn) theo qui định tại điểm a Khoản này vào chỉ tiêu [35] (Thuế thu nhập cá nhân tạm nộp) của Tờ khai mẫu số 08A/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.

2. Kê khai thuế đối với cá nhân, hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán được miễn thuế:

a) Cá nhân, hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán (trừ cá nhân, hộ kinh doanh nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân thuộc diện miễn thuế theo quy định tại Điều 9 Thông tư này) có thu nhập tính thuế cả năm đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân ở bậc 1 của Biểu lũy tiến từng phần (thu nhập tính thuế nhỏ hơn hoặc bằng 60 triệu đồng/năm) thì được miễn toàn bộ số thuế phải nộp của quý III và quý IV năm 2012 theo Thông báo thuế của cơ quan thuế.

b) Cá nhân, hộ kinh doanh cho công nhân, người lao động, sinh viên, học sinh thuê nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân thuộc diện miễn thuế theo quy định tại Điều 9 Thông tư này được miễn toàn bộ số thuế phải nộp năm 2012.

Đối với trường hợp miễn thuế theo điểm b này, cá nhân, hộ kinh doanh phải niêm yết công khai giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ; giá chăm sóc trông giữ trẻ và giá cung ứng suất ăn ca cho công nhân tại trụ sở kinh doanh không cao hơn mức giá tháng 12 năm 2011. Cá nhân, hộ kinh doanh phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp và chính quyền cấp phường, xã biết trước ngày 01 tháng 11 năm 2012 về việc đã thực hiện giá không cao hơn giá tháng 12 năm 2011 ngay từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Cá nhân, hộ kinh doanh được miễn thuế không phải kê khai lại tờ khai thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm lập danh sách cá nhân, hộ kinh doanh cho thuê phòng trọ, nhà trọ; chăm sóc, trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân và số thuế được miễn, báo cáo ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan thuế cấp trên trực tiếp để theo dõi, kiểm tra. Đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan thuế trước ngày 15 tháng 11 năm 2012 và thông báo cho cá nhân, hộ kinh doanh biết.

Trường hợp cơ quan thuế và các cơ quan quản lý nhà nước khác có chức năng thanh tra, kiểm tra phát hiện cá nhân, hộ kinh doanh trong năm 2012 không thực hiện đúng giá thì cá nhân, hộ kinh doanh không được miễn thuế hoặc hoàn số thuế đã nộp Ngân sách Nhà nước. Số thuế đã được miễn hoặc hoàn sẽ bị truy thu và phạt về hành vi vi phạm về thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 12. Kê khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân

1. Kê khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công và từ kinh doanh đến mức phải chịu thuế ở bậc 1 Biểu thuế lũy tiến từng phần.

a) Xác định số thuế được miễn cả năm đối với cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công và từ kinh doanh đến mức phải chịu thuế ở bậc 1 Biểu thuế lũy tiến từng phần như sau:

$$\text{Số thuế được miễn} = \frac{\text{Thu nhập tính thuế cả năm 2012 ở bậc 1} \times \text{Thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần}}{12 \text{ tháng}} \times 6 \text{ tháng}$$

b) Cá nhân, hộ kinh doanh kê khai số thuế thu nhập cá nhân sau khi đã trừ số thuế được miễn vào chỉ tiêu số [32] (Tổng số thuế Thu nhập cá nhân phát sinh trong kỳ) của Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp cá nhân, hộ kinh doanh nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân thuộc diện được miễn thuế theo quy định tại Điều 9 Thông tư này đã nộp số thuế thu nhập cá nhân quý I, quý II năm 2012 (kê cả trường hợp đã nộp thuế quý III năm 2012 do chưa nhận được thông báo miễn thuế của cơ quan thuế) vào Ngân sách nhà nước thì được hoàn lại số thuế đã nộp. Cơ quan Thuế trực tiếp quản lý lập danh sách các cá nhân, hộ kinh doanh được hoàn thuế theo từng địa bàn xã, phường và ban hành Quyết định hoàn thuế cho từng cá nhân, hộ kinh doanh.

Cơ quan thuế có trách nhiệm niêm yết công khai danh sách các cá nhân, hộ kinh doanh nhà trọ, phòng trọ; chăm sóc, trông giữ trẻ; cung ứng suất ăn ca cho công nhân được hoàn thuế tại trụ sở cơ quan thuế trước ngày 15 tháng 11 năm 2012.

3. Khi quyết toán thuế thu nhập cá nhân, cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ kinh doanh được miễn thuế phải khai, nộp cho cơ quan thuế Phụ lục theo mẫu số 26/MT-TNCN và tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế theo ủy quyền của cá nhân nhận thu nhập phải khai, nộp cho cơ quan thuế Phụ lục theo Mẫu số 27/MT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~05~~ tháng ~~10~~ năm 2012.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện đúng theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện theo nội dung Thông tư này.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng BCĐ phòng chống tham nhũng trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Tổng cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS). 410.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
MIỄN, GIẢM THUẾ TNDN
[01] Kỳ tính thuế: Quý.../năm.... (hoặc Năm...)

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Số thuế TNDN phải nộp:

Bằng chữ:
.....

[07] Số thuế TNDN được miễn, giảm:.....

Bằng chữ:
.....

[08] Trường hợp được miễn, giảm:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa.
 Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động.
 Doanh nghiệp cung ứng suất ăn ca cho công nhân

(Doanh nghiệp chỉ được đánh dấu vào 1 trong 3 lý do nêu trên)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai ./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
MIỄN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
[01] Kỳ tính thuế: tháng.....năm.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[06] Thuế GTGT của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân phát sinh trong kỳ:

.....

Bằng chữ:

.....

[07] Thuế GTGT của hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân được miễn:

.....

Bằng chữ:

.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày.....tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

u

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
MIỄN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài Chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

- [06]: Số thuế phải nộp trước khi miễn:.....
- [07]: Số thuế được miễn đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công; từ kinh doanh của cá nhân có thu nhập tính thuế ở bậc 1 Biểu thuế lũy tiến từng phần:.....
- [08]: Số thuế còn phải nộp sau khi miễn:.....

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

Ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

[06]: Số thuế phải nộp trước khi miễn là: tổng số thuế phải nộp tính theo thuế suất biểu thuế lũy tiến từng phần. (= Chi tiêu [31] *Tổng thu nhập tính thuế* của Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN nhân (x) thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần).

[07]: Số thuế được miễn đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công; từ kinh doanh của cá nhân có thu nhập tính thuế ở bậc 1 Biểu thuế lũy tiến từng phần được xác định như sau:

$$\text{Số thuế được miễn} = \frac{\text{Thu nhập tính thuế cả năm 2012 ở bậc 1} \times \text{Thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần}}{12 \text{ tháng}} \times 6 \text{ tháng}$$

[08]: Số thuế còn phải nộp sau khi miễn = [06] - [07] (=Chi tiêu [32] của Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN).

Mẫu số: 27/MT-TNCN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012
 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
MIỄN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Kèm theo Bảng kê mẫu số 05A/BK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu	Thu nhập tính thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ	Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế		
						Tổng số thuế TNCN phải nộp	Tổng số thuế TNCN được miễn	Tổng số thuế TNCN còn phải nộp sau khi miễn
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]
1								
2								
...								
Tổng				[15]	[16]	[17]	[18]	[19]

Nhữ

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai/.

Ngày . . . tháng . . . năm . . .

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên: chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- [07] Họ và tên: là họ tên của những cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công ở bậc 1 và uỷ quyền cho cơ quan chi trả quyết toán thay.
- [10] Thu nhập tính thuế: là thu nhập tính thuế của những cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công ở bậc 1 và uỷ quyền cho cơ quan chi trả quyết toán thay theo Bảng kê mẫu số 05A/BK-TNCN. (Thu nhập tính thuế nhỏ hơn hoặc bằng 60 triệu đồng/năm).
- [12] Tổng số thuế TNCN phải nộp: là tổng số thuế phải nộp trước khi trừ số thuế được miễn theo Nghị quyết số 29/2012/QH13.
- [13] Tổng số thuế TNCN được miễn: là tổng số thuế được miễn cả năm đối với cá nhân thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công ở bậc 1 Biểu thuế lũy tiến từng phần được xác định như sau:

$$\text{Số thuế được miễn} = \frac{\text{Thu nhập tính thuế cả năm 2012 ở bậc 1} \times \text{Thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần}}{12 \text{ tháng}} \times 6 \text{ tháng}$$

[14] Tổng số thuế TNCN còn phải nộp sau khi miễn = [12] - [13]